TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Phước và bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số B, Khóm G, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Số điện thoại: 0945903308.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 0908483920.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T có mặt, chị Trần Thị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị H do tự tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức đám cưới và có đăng ký hết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 09/8/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một con chung tên Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 04/11/2019. Tuy nhiên đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị H có mối quan hệ với người khác. Mặc dù, anh đã khuyên nhiều lần nhưng chị H vẫn không thay đổi. Nay, anh nhận thấy tình

cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị H;

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 04/11/2019. Khi ly hôn anh Nguyễn Văn T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là chị Trần Thị H để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Trần Thị H vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Trần Thị H cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo cho chị Trần Thị Hiếu b để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng chị Trần Thị H cũng không có ý kiến phản hồi.

Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị H; yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trần Duy K và không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T có mặt, chị Trần Thị H vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 04/11/2019 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2018 do Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09 tháng 08 năm 2018). Chị Trần Thị H có địa chỉ thường trú tại: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Trần Thị H; yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 04/11/2019 nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

[2] Xét việc tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh Nguyễn Văn T cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị xuất phát từ việc chị H có mối quan hệ với người khác. Mặc dù, anh đã khuyên nhều lần nhưng chị H vẫn không thay đổi. Chị Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị H.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày anh và chị Trần Thị H có một con chung là Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 04/11/2019. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu K và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Tại biên bản xác minh ngày 04/10/2023 ghi nhận chị Trần Thị H do phải đi làm ăn xa nên phải gửi cháu K cho bà Lê Kim H1 là mẹ ruột của chị H chăm sóc nuôi dưỡng nhưng chị H vẫn về thăm cháu K khi không bận công việc. Mặc khác, theo trình bày của anh Nguyễn Văn T từ khi sinh ra được 06 tháng cho đến hiện tại thì cháu K vẫn sống cùng chị H và bà ngoại. Xét thấy việc giao cháu K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết để không làm ảnh hưởng cuộc sống của cháu.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, giao cháu Nguyễn Trần Duy K cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh Nguyễn Văn T vẫn không cấp dưỡng, quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị H vắng mặt và cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung:

Anh Nguyễn Văn T trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung:

Anh Nguyễn Văn T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Như các phân tích nêu trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 04/11/2019 cho chị Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn T và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Khi có lý do chính đáng, mức

cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận anh Nguyễn Văn T xác định không có nợ chung. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012055 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ. Chị Trần Thị H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Uỷ ban nhân dân Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Trí Nguyên